

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H N
TỈNH N A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày: 17/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H N, TỈNH N A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần V Dũng và bà Bùi Thị Hạnh Lê

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh N A tham gia phiên toà: Ông Nguyễn V Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H N, tỉnh N A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 và số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **P V D**, tên gọi khác: không; sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1994, tại huyện H N, tỉnh N A; nơi cư trú: xóm X, xã X (xóm 18 xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: P V H; con bà: H T V; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông N V T; sinh năm: 1959. Trú tại: Xóm X, xã X (xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

2. Chị N T P; sinh năm: 1972. Trú tại: Xóm X, xã X (xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

3. Bà N T H; sinh năm: 1960. Trú tại: Xóm X, xã X (xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

4. Anh N T C; sinh năm: 1982. Trú tại: Xóm X, xã X(xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

5. Ông P V D; sinh năm: 1964. Trú tại: Xóm X, xã X (Xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh C V K; sinh năm: 1994. Trú tại: Xóm X(xóm X cũ), xã X, huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

Anh C V G; sinh năm: 1994. Trú tại: Xóm X(xóm X cũ), xã X, huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

Chị P T P; sinh năm: 1964. Trú tại: Xóm X, xã X (nay là Xóm X xã X cũ) huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

Chị N T T; sinh năm: 1979. Trú tại: Xóm b, xã X(xóm X, xã X cũ), huyện H N, tỉnh N A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày không nhớ rõ, cuối tháng 7 năm 2012, C V K trú tại xóm X(nay là xóm X) xã X, huyện H N cùng với P V D đi đến quán Internet của anh T ở Xóm X xã X, huyện H N (nay là L N, xã X) tìm C V G (trú cùng xóm với K) rủ G cùng đi bắt trộm chó thì G đồng ý. Sau khi thống nhất, G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 37B1- 07070 (chiếc xe này do K, G và D nhờ anh H V T, trú tại xóm X (nay là xóm X), xã X, huyện H N thuê tại hiệu cầm đồ của anh N S D ở đường T H, xã H L, TP V vào ngày 06/6/2012) chở D ngồi giữa, K ngồi sau đi đến khu vực chợ C thuộc xã X, huyện H N. G xuống xe vào một quán bên đường mua một bì xác rắn và một cuộn băng dính màu đen, rồi tiếp tục điều khiển chở K và D đi đến C thuộc xóm X, xã X, huyện H N (nay là xóm X xã X), K xuống xe đi xuống dưới gầm cầu lấy một chiếc cần câu chó dài khoảng 1m, được làm bằng tre, phía đầu chiếc cần câu chó có buộc một sợi dây phanh xe đạp được buộc thành hình tròn và một chiếc kiếm do K cất giấu trước đó, đưa lên đặt chiếc kiếm dọc theo khung xe mô tô. Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, lúc này là vào khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, G tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D và K đi vào xóm 12 xã H T, huyện H N (nay là xóm 1 xã X) để bắt trộm chó. Khi đi đến khu vực gần đường tàu, ba người phát hiện thấy một con chó lông màu đen của gia đình anh N V T trú tại xóm X xã H T, H N (nay là xóm 3 xã X) đang đi ngược chiều. Thấy vậy, G giảm tốc độ, điều khiển xe mô tô áp sát vào con chó, K

ngồi sau dùng cần câu chó ngoắc vào cổ chó, rồi G tăng ga chạy thẳng kéo lê con chó ra đường 8B thì dừng xe lại, K xuống xe giữ chặt cổ chó, D dùng băng dính dán mõm và chân chó lại rồi bỏ vào bì xác rắn. Sau khi thực hiện xong, G tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D và K đi theo đường 8B sang xóm M xã X(nay là xóm M xã X). Khi đi đến gần một ao cá, ba người tiếp tục phát hiện thấy một con chó lông màu vàng của gia đình chị N T P ở xóm M xã X(nay là xóm M xã X) đang đi một bên đường. G giảm tốc độ, điều khiển xe áp sát, K ngồi sau dùng cần câu chó ngoắc vào cổ chó, rồi G tăng ga chạy thẳng kéo lê con chó ra sát đường tàu thì dừng xe lại, K và D xuống xe dùng băng dính dán mõm và chân chó lại rồi bỏ vào bì xác rắn. G tiếp tục điều khiển chở D và K đi sang xóm c xã X, H N (nay là xã X L). Khi đi đến đoạn đường đối diện với Trường Tiểu học xã H L cũ, G, K và D tiếp tục bắt trộm một con chó lông màu vàng (*không xác định được chủ sở hữu*) rồi dán mõm và chân chó lại bỏ vào bì xác rắn. Lúc này là vào khoảng 2 giờ sáng của ngày hôm sau, sợ 3 con chó vừa mới bắt trộm được bị chết ngạt, nên G, K và D đưa xuống ki ốt thu mua chó ở khối 1, phường Hồng Sơn, TP V(gần chợ V) bán cho N D V. Khi cân lên được 28 kg, thì G, K và D chưa lấy tiền mà gửi lại cho V, rồi tiếp tục chở nhau lên huyện H N bắt trộm chó. G điều khiển xe mô tô đi theo đường 8B đến xã H T, H N (nay là xã X, H N). G, K và D tiếp tục bắt trộm một con chó lông màu đen tại Xóm X xã H T, H N (nay là Xóm X xã X); một con chó lông màu đen tại xóm M xã X, H N (nay là xóm M xã X) và một con chó lông màu vàng tại xóm N xã H T, H N (nay là xóm 1 xã X) (*tất cả 3 con chó này đều không xác định được chủ sở hữu*). Lúc này là vào khoảng 3 giờ 30 phút cùng ngày, G, K và D tiếp tục chở 3 con chó vừa bắt trộm được đi xuống ki ốt thu mua chó của V, khi cân lên được 27 kg thì 3 người tiếp tục gửi chó lại cho V, rồi tiếp tục cùng nhau đi lên huyện H N bắt trộm chó. Vẫn theo đường cũ (đường 8B), G điều khiển đi lên xã H T, H N (nay là xã X), khi đi đến gần Nhà V hóa xóm n xã X cũ (nay là xã X), cả 3 tiếp tục bắt trộm một con chó lông màu vàng của gia đình chị N T H ở xóm X xã X(nay là xóm b xã X), sau đó tiếp tục đi sang xóm n xã X cũ (nay là xã X L) bắt trộm một con chó lông màu vàng của gia đình anh N T C ở xóm X xã X, H N (nay là xóm b xã X L). Lúc này là vào khoảng 4 giờ cùng ngày, trên đường đưa 2 con chó vừa bắt trộm được xuống bán cho V, khi đi qua Xóm X xã H T, H N (nay là Xóm X, xã X), G, K và D tiếp tục bắt trộm thêm một con chó lông màu vàng của gia đình anh P V D ở Xóm X xã X cũ (nay là Xóm X, X), rồi đưa 3 con chó vừa bắt trộm được đến ki ốt thu mua chó bán cho V và cân lên được 31 kg. Sau khi thống nhất tổng số 9 con chó mà G, K và D bắt trộm được là 86 kg thì cả 3 đã bán

cho V với giá 2.300.000 đồng. G cầm tiền chia cho K và D mỗi người 700.000 đồng, còn lại 900.000 đồng G lấy. Sau khi đã bán số chó trộm cắp được cho V xong, G, K và D để càn câu chó và chiếc kiềm tại ki ốt của V rồi chờ nhau về nhà.

Những người biết về tài sản xác định, con chó của gia đình anh N V T bị mất là giống chó đực, lông màu đen, có trọng lượng là 10kg. Con chó của gia đình chị N T P bị mất là giống chó cái, lông màu vàng, có trọng lượng là 7kg. Con chó của gia đình chị N T H bị mất là giống chó cái, lông màu vàng, có trọng lượng là 10kg. Con chó của gia đình anh N T C bị mất là giống chó đực, lông màu vàng, có trọng lượng là 9kg. Con chó của gia đình anh P V D bị mất là giống chó cái, lông màu vàng, có trọng lượng là 9kg.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 123/KLĐG-TTHS ngày 21/12/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H N kết luận: con chó của gia đình anh N V T bị mất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 680.000 đồng; con chó của gia đình chị N T P bị mất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 476.000 đồng; con chó của gia đình N T H bị mất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 680.000 đồng; con chó của gia đình anh N T C bị mất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 612.000 đồng; con chó của gia đình anh P V D bị mất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 612.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.060.000 đồng.

Sau khi phạm tội, P V D bỏ trốn khỏi địa phương, đến 14 giờ 30 phút ngày 28/9/2021, tại xã Q L, huyện N Q, tỉnh N B Phòng PC 02 Công an tỉnh N A phối hợp với Công an tỉnh N B bắt theo Quyết định truy nã số 01/CSĐT ngày 29/12/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H N, tỉnh N A.

Đối với C V G, C V K vào ngày 01/02/2013, đã bị Tòa án nhân dân huyện H N xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; N Đ V bị xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà” có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Hình phạt, vật chứng và về trách nhiệm dân sự đã được tuyên tại Bản án số 04/2013/HSST ngày 01/02/2013.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-HS ngày 01/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh N A truy tố bị cáo P V D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo P V D đã khai nhận hành vi mà bị cáo thực hiện vào thời điểm cuối tháng 7 năm 2012 giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo P V D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 90; Điều 101; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P V D 03 tháng 20 ngày tù đến 5 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Hiện người bị hại không có ai yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H N, Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng 23 giờ 30 phút đến khoảng 4 giờ sáng ngày hôm sau, ngày không nhớ, khoảng cuối tháng 7/2012, tại địa bàn xóm X xã H T; xóm 13 xã H T, huyện H N (nay là xóm 1 và xóm b xã X); xóm X xã X, H N (nay là xóm b xã X L) và Xóm X xã H T, H N (nay là Xóm X xã X). P V D cùng với C V K và C V G đều trú tại xóm X xã X, huyện H N cũ (nay là xóm X, xã X) đã có hành vi trộm cắp một con chó đực lông màu đen, có trọng lượng 10kg trị giá 680.000 đồng của gia đình anh N V T; một con chó cái lông màu vàng, có trọng lượng 7kg, trị giá 476.000 đồng của gia đình chị N T P; một con chó cái lông màu vàng, có trọng lượng 10kg trị giá 680.000 đồng của gia đình chị N T H; một con chó đực lông màu vàng, có trọng lượng 09kg trị giá 612.000 đồng của gia đình anh N T C và một con chó cái lông màu vàng, có trọng lượng 09kg trị giá 612.000 đồng

của gia đình anh P V D. Tổng giá trị tài sản mà D cùng với G và K chiếm đoạt là 3.060.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H N, tỉnh N A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có sự đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. P V D là người có vai trò thực hành. Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, D đã cùng C V G và C V K lén lút trộm 09 con chó với trị giá 3.060.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện H N. Bị cáo nhận thức rõ việc làm của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì háms lợi nên bị cáo vẫn thực hiện. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Như vậy, bị cáo sẽ được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thời điểm thực hiện tội phạm, bị cáo là người chưa thành niên nên được hưởng chính sách đối với người vị thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 90; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương một thời gian dài, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét khi lượng hình cho bị cáo. Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa hôm nay là phù hợp và nghiêm minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với bị cáo.

[5]. Đối với C V G, C V K vào ngày 01/02/2013, đã bị Tòa án nhân dân huyện H N xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Nguyễn Đăng V bị xét xử về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Hình phạt, vật chứng và về trách nhiệm dân sự đã được tuyên tại Bản án số 04/2013/HSST ngày 01/02/2013.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Hiện những người bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 90; Điều 101; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo P V D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo P V D 03 (Ba) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 28/9/2021. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo P V D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H N;
- Công an huyện H N;
- Chi cục THADS huyện H N;
- TAND tỉnh N A;
- Bị cáo và người tham gia TT khác.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú

